

ĐINH PHƯƠNG DUY (Tổng Chủ biên) - TRẦN THANH BÌNH (Chủ biên)
MAI KHẮC HÙNG - TRẦN MINH HƯỜNG - HÀ THỊ THANH NGÀ
LÂM HỒNG LÃM THUY - LÊ PHƯƠNG TRÍ

ĐẠO ĐỨC

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GV: giáo viên

HS: học sinh

SGK: sách giáo khoa

SGV: sách giáo viên

THCS: trung học cơ sở

THPT: trung học phổ thông

PPDH: phương pháp dạy học

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Đạo đức 1 là tài liệu trực tiếp chia sẻ, gợi ý, hướng dẫn giáo viên cách thức tổ chức quá trình dạy học khi sử dụng quyển sách giáo khoa **Đạo đức 1** thuộc bộ sách giáo khoa **Chân trời sáng tạo** của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; đồng thời cũng là tài liệu tham khảo hữu ích giúp giáo viên có thêm những phương án dạy học khi sử dụng các quyển sách giáo khoa **Đạo đức 1** khác theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

Do phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học trong chương trình giáo dục phổ thông đối với giáo viên hiện nay còn nhiều mới mẻ nên khi biên soạn tài liệu này, nhóm tác giả chủ trương: cố gắng kết hợp một cách hài hoà những hướng dẫn thuộc yêu cầu dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học và quy định của chương trình môn học với những chia sẻ, đề xuất mang tính gợi ý để vừa đảm bảo yêu cầu dạy học chung, vừa tạo điều kiện cho giáo viên phát huy tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng các biện pháp, thao tác dạy học phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục và của bản thân.

Sách giáo viên Đạo đức 1 gồm hai phần:

Phần một – **Những vấn đề chung** giới thiệu khái quát một số nội dung thiết yếu của chương trình môn Đạo đức, cấu trúc và nội dung của sách giáo khoa **Đạo đức 1**, phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, hướng dẫn đánh giá năng lực học sinh qua môn Đạo đức, v.v.

Phần hai – **Hướng dẫn dạy học môn Đạo đức lớp 1** trình bày những gợi ý, chia sẻ, đề xuất về quá trình tổ chức hoạt động dạy học liên quan trực tiếp đến các bài học trong sách giáo khoa **Đạo đức 1** thuộc bộ sách giáo khoa **Chân trời sáng tạo** của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Hi vọng tài liệu này sẽ là một trong những cơ sở cần thiết giúp giáo viên hiểu rõ, nắm vững nội dung, cấu trúc sách giáo khoa **Đạo đức 1** và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học đặc thù vào thực tiễn dạy học của mình. Rất mong nhận được sự góp ý của các cơ sở giáo dục và quý thầy, cô giáo để tài liệu ngày càng được hoàn thiện hơn.



MỤC LỤC

	Trang
Quy ước viết tắt.....	2
Lời nói đầu	3
Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Đạo đức	5
2. Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn Đạo đức	5
3. Nội dung giáo dục môn Đạo đức	7
4. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa <i>Đạo đức 1</i>	7
5. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học <i>Đạo đức 1</i>	8
6. Phương pháp dạy học <i>Đạo đức 1</i>	10
7. Đánh giá kết quả giáo dục	12
8. Tài nguyên dạy học	13
Phần hai: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1	14
Bài 1: Mái ấm gia đình	14
Bài 2: Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ	19
Bài 3: Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau	23
Bài 4: Tự giác làm việc ở trường	27
Bài 5: Tự giác làm việc ở nhà	32
Bài 6: Không nói dối và biết nhận lỗi	36
Bài 7: Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác	42
Bài 8: Trả lại của rơi	46
Bài 9: Sinh hoạt nền nếp	51
Bài 10: Cùng thực hiện nội quy trường, lớp	54
Bài 11: Tự chăm sóc bản thân	57
Bài 12: Phòng, tránh đuối nước	63
Bài 13: Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt	67
Bài 14: Phòng, tránh tai nạn giao thông	74
Tổng kết, đánh giá	79
Phụ lục	
MỨC ĐỘ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CÁC NĂNG LỰC ĐẶC THÙ	
TRONG SÁCH GIÁO KHOA <i>ĐẠO ĐỨC 1</i>	80

1. VỊ TRÍ VÀ MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

Trong Chương trình giáo dục phổ thông* (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học), môn Giáo dục công dân được hợp thành từ 3 môn học ở 3 cấp học: Đạo đức (cấp Tiểu học), Giáo dục công dân (cấp THCS) và Giáo dục Kinh tế – Pháp luật (cấp THPT).

Ở cấp Tiểu học, môn Đạo đức giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS tiếp cận hai mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân:

1. Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.
2. Bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi ứng xử của bản thân đối với gia đình, cộng đồng; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

Theo Chương trình giáo dục phổ thông, môn Giáo dục công dân nói chung và môn Đạo đức nói riêng một mặt cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp Tiểu học, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được chương trình môn học quy định như sau:

2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

a. Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức và pháp luật thường gặp phù hợp với lứa tuổi và sự cần thiết của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó.

* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Có kiến thức cần thiết, phù hợp để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Nhận biết được sự cần thiết của giao tiếp và hợp tác, trách nhiệm của bản thân và của nhóm trong hợp tác.

b. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Nhận xét được tính chất đúng/sai, tốt/xấu, thiện/ác của một số thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và bạn bè.

– Thể hiện được thái độ đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt; không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

– Nhận xét được thái độ của đối tượng giao tiếp; nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để phân công công việc và hợp tác.

c. Điều chỉnh hành vi

– Tự làm được những việc phù hợp, vừa sức ở nhà và ở trường; không dựa dẫm vào người khác.

– Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; biết sửa chữa sai sót, khuyết điểm.

– Thực hiện được một số hoạt động cần thiết, phù hợp để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Bước đầu biết thực hành tiết kiệm và sử dụng tiền bạc hợp lí.

2.2. Năng lực phát triển bản thân

a. Tự nhận thức bản thân

Nhận biết được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

b. Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân, sự cần thiết phải lập kế hoạch cá nhân, cách lập kế hoạch cá nhân.

– Lập được kế hoạch cá nhân của bản thân.

c. Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Thực hiện được các công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Có ý thức học hỏi, làm theo những gương tốt để hoàn thiện, phát triển bản thân.

2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a. Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Bước đầu nhận biết được một số khái niệm cơ bản về xã hội và quan sát xã hội.

– Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước, các hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày.

– Nhận biết được vai trò của tiền bạc; sự cần thiết phải bảo quản, tiết kiệm, sử dụng tiền bạc hợp lí.

b. Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

– Bước đầu nêu được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề đơn giản, phù hợp về đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống.

– Có cách cư xử, thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

– Đề xuất được phương án phân công công việc phù hợp; thực hiện được nhiệm vụ của bản thân; biết trao đổi, giúp đỡ thành viên khác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ trong nhóm.

– Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

Trên cơ sở này, chương trình môn học sẽ xác định các mức độ cần đạt đối với từng năng lực cho từng lớp; đồng thời các SGK cũng căn cứ vào cơ sở này để lựa chọn, thiết kế những nội dung dạy học thích hợp.

3. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN ĐẠO ĐỨC

Ở cấp Tiểu học, chương trình môn Đạo đức quy định nội dung giáo dục gồm:

– Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm;

– Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ;

– Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng;

– Giáo dục pháp luật: chủ yếu là chuẩn mực hành vi pháp luật.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn Đạo đức lớp 1 được quy định qua 8 chủ đề cụ thể: 1) *Yêu thương gia đình*; 2) *Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình*; 3) *Tự giác làm việc của mình*; 4) *Thật thà*; 5) *Sinh hoạt nền nếp*; 6) *Thực hiện nội quy trường, lớp*; 7) *Tự chăm sóc bản thân*; 8) *Phòng, tránh tai nạn, thương tích*.

4. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở Tiểu học, đồng thời đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình, từ 8 chủ đề trong chương trình, SGK *Đạo đức 1* được chia thành 14 bài học. Cụ thể:

- Bài 1. *Mái ấm gia đình* (2 tiết).
- Bài 2. *Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ* (2 tiết);
- Bài 3. *Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau* (2 tiết).
- Bài 4. *Tự giác làm việc ở trường* (2 tiết);
- Bài 5. *Tự giác làm việc ở nhà* (2 tiết).
- Bài 6. *Không nói dối và biết nhận lỗi* (2 tiết);
- Bài 7. *Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác* (2 tiết);
- Bài 8. *Trả lại của rơi* (2 tiết).
- Bài 9. *Sinh hoạt nề nếp* (2 tiết).
- Bài 10. *Cùng thực hiện nội quy trường, lớp* (2 tiết).
- Bài 11. *Tự chăm sóc bản thân* (3 tiết).
- Bài 12. *Phòng, tránh đuối nước* (3 tiết);
- Bài 13. *Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt* (3 tiết);
- Bài 14. *Phòng, tránh tai nạn giao thông* (3 tiết).

Như vậy:

- Thời lượng giáo dục đạo đức: 10 bài x 2 tiết = 20 tiết (khoảng 60% tổng thời lượng);
- Thời lượng giáo dục kỹ năng sống: 4 bài x 3 tiết = 12 tiết (khoảng 30% tổng thời lượng);
- Thời lượng đánh giá định kỳ: 3 tiết (khoảng 10% tổng thời lượng).

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bố thời lượng dạy học trong SGK *Đạo đức 1* đáp ứng quy định của chương trình. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bố mang tính định hướng. Khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và thực tế dạy học ở mỗi lớp để chủ động thiết kế giáo án, sắp xếp nội dung và phân bố thời lượng một cách thích hợp (xem thêm ma trận *Mức độ yêu cầu cần đạt các năng lực đặc thù trong SGK Đạo đức 1* ở Phụ lục cuối sách).

5. CẤU TRÚC BÀI HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 1

5.1. Cấu trúc bài học

Dựa trên cơ sở *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa** (sau đây viết gọn là *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản

* Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7), bài học trong SGK *Đạo đức 1* bao gồm 4 thành phần cơ bản: *khởi động, khám phá, luyện tập, thực hành*.

Khởi động: là hoạt động nhằm kích hoạt vốn kiến thức, kỹ năng đã có của HS, tạo tâm thế, hứng thú để chuẩn bị bước vào bài học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới.

Về bản chất, phần *khởi động* này tương ứng với thành phần *mở đầu* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Khám phá: là hoạt động giúp HS tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức mới hoặc hình thành nhận thức mới đúng hơn, tốt hơn, chính xác hơn về một vấn đề thông qua hệ thống các câu hỏi/giải pháp/tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần *khám phá* này tương ứng với thành phần *kiến thức mới* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Luyện tập: là hoạt động giúp HS củng cố, mở rộng, phát triển kiến thức, nhận thức vừa khám phá và rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần luyện tập trong SGK *Đạo đức 1* tương ứng với thành phần *luyện tập* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Thực hành: là hoạt động giúp HS bước đầu biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã khám phá và luyện tập để giải quyết một số vấn đề trong thực tế gia đình, nhà trường và xã hội phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần *thực hành* trong SGK *Đạo đức 1* tương ứng với thành phần *vận dụng* (ở mức độ thấp nhất) trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

5.2. Các hoạt động dạy học

Khởi động

Trong SGK *Đạo đức 1*, các tác giả có đưa ra nội dung khởi động nhưng cần hiểu đó chỉ là một gợi ý mang tính định hướng giúp GV kết nối hoạt động tạo tâm thế, hứng thú của HS với hoạt động dẫn dắt HS vào bài học.

Khám phá

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *khám phá* bao gồm:

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Hoạt động 2: Thảo luận

Hoạt động 3: Chia sẻ

Luyện tập

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *luyện tập* bao gồm:

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Thực hành

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *thực hành* bao gồm:

Hoạt động 1: Những thực hành trên lớp

Hoạt động 2: Những thực hành trong thực tiễn cuộc sống.

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 1

6.1. Định hướng chung

Chương trình môn Giáo dục công dân (trong đó có môn Đạo đức) đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

“1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học qua những mở rộng sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, chương trình giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng đến mục tiêu “HS biết làm gì từ những điều đã học?”; do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức

dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phân biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kỹ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức cho riêng mình...

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là:

- Quá trình dạy học được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn;

- Trong quá trình dạy học, GV tổ chức, hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kỹ năng chuyên biệt của môn học;

- Mục tiêu dạy học là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kỹ năng mới, qua đó phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới PPDH giờ đây không phải được thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở chỗ các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt người học vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ và đề xuất các giải pháp hành động... hay không.

Nói cách khác, đổi mới PPDH không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các PPDH tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hòa với các PPDH truyền thống... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới PPDH.

6.2. Định hướng dạy học theo SGK Đạo đức 1

Khi sử dụng SGK *Đạo đức 1*, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

– SGK *Đạo đức 1* hạn chế tối đa kênh chữ và sử dụng tối đa kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng khác nhau (minh hoạ nội dung, diễn tả tình huống, yêu cầu HS miêu tả nội dung hình hoặc liên kết các hình để kể thành câu chuyện, v.v.). GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

– SGK *Đạo đức 1* sử dụng câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/sai, đồng tình/không đồng tình, phân biệt lợi ích/tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/không theo chuẩn mực hành vi, v.v.). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, không để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp rơi vào những khoảng trống nặng nề.

– SGK *Đạo đức 1* đưa vào một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập, thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần có sự chuẩn bị (hoặc hướng dẫn HS chuẩn bị) về đạo cụ, trang phục, không gian... để hoạt động có thể diễn ra nhanh, gọn, an toàn và hấp dẫn.

– SGK *Đạo đức 1* có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ; nhóm cố định, nhóm ngẫu nhiên; nhóm theo giới tính; nhóm theo sở thích...); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các đức tính nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lý đối với một số tình huống sinh động, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS... để quá trình dạy học đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì chương trình môn Đạo đức, cũng như chương trình các môn học khác, đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt) cho nên trong quá trình sử dụng quyển SGK *Đạo đức 1* này, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số hình ảnh, tình huống, câu hỏi, hoạt động sắm vai... miễn sao phù hợp và đạt hiệu quả dạy học cao nhất.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin về một vấn đề nhằm xác định các loại chỉ số (số lượng, chất lượng, giá trị...) trong tương quan với mục tiêu đã đặt ra từ trước, từ đó đưa ra những nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị... giúp hoàn thiện, cải thiện, nâng cao chất lượng công việc.

Trong chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn Đạo đức của HS tiểu học nói chung, lớp 1 nói riêng, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình, có lợi/có hại, v.v.

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi chương trình giáo dục phổ thông mới chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS.

8. TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

Khi sử dụng SGK *Đạo đức 1* làm tài liệu dạy học chính thức, ngoài cuốn SGK này, tài nguyên dạy học còn có: *Vở bài tập Đạo đức 1* và *Kể chuyện Đạo đức 1*.

Vở bài tập Đạo đức 1 là tài liệu bổ trợ, đi kèm SGK *Đạo đức 1* nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 14 bài học trong SGK *Đạo đức 1*; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành qua những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lý, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình; nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm...

Kể chuyện Đạo đức 1 là tài liệu tham khảo thiết yếu, gồm một số câu chuyện ngắn gọn, sinh động, hấp dẫn, có nội dung gắn gũi với các bài học trong SGK *Đạo đức 1*, có hình minh họa và hệ thống câu hỏi sau mỗi văn bản để một mặt, giúp GV mở rộng bài học, xây dựng hoạt cảnh, tình huống trong dạy học; mặt khác để HS tự đọc hoặc phụ huynh sử dụng để đọc, kể cho con em ở nhà, qua đó giúp HS tiếp nhận các giá trị đạo đức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1

Bài 1

MÁI ẤM GIA ĐÌNH

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nêu được một số biểu hiện của tình yêu thương gia đình;
- Nhận biết được sự cần thiết của tình yêu thương gia đình;
- Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương gia đình;
- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với người thân trong gia đình.

KHỞI ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết khá nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về gia đình. Bài hát *Ba ngọn nến lung linh* (sáng tác: Ngọc Lễ) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác có cùng chủ đề (ví dụ: *Niềm vui gia đình* của Hoàng Vân, *Cả nhà thương nhau* của Phạm Văn Minh, *Gia đình nhỏ, hạnh phúc to* của Nguyễn Văn Chung, v.v.) và cho cả lớp hát để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Khi xem hình, HS có thể trả lời câu hỏi theo nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ, hình 1: thể hiện tình cảm yêu thương; bố mới lĩnh lương; bố thưởng cho hai chị em... Hình 2: con chưa biết chải tóc; mẹ chăm sóc con; con làm nũng mẹ...

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: tình yêu thương gia đình.

Hoạt động 2: Thảo luận

Tuỳ theo hoàn cảnh, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình trong một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình.

- Hình 1: Đại gia đình gồm ông, bà, cha, mẹ, các con quây quần bên nhau trong ngày Tết.
- Hình 2: Mẹ quàng khăn ấm cho con trước khi con đến trường.
- Hình 3: Bố làm việc miệt mài trên máy tính; con trai rót nước mang đến cho bố.
- Hình 4: Con trai vẽ chân dung tặng mẹ; mặc dù nét vẽ còn chưa đẹp nhưng người mẹ vẫn xúc động đón nhận món quà của con.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV bước đầu có thể đưa ra ý khái quát: Tình yêu thương gia đình luôn được mọi người thể hiện mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt vùng miền, dân tộc; không chỉ là ông bà, cha mẹ yêu thương con cháu mà con cháu cũng phải biết yêu thương ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

Gợi ý: Tình yêu thương đem lại niềm vui, hạnh phúc cho gia đình. Tuy nhiên, do tuổi còn nhỏ, cũng có những khi các em quên hoặc chưa ý thức được điều này. Hãy xem các hình ở mục *Chia sẻ* và cho biết ý kiến của mình nhé.

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

- Hình 1: Cả nhà quây quần quanh mâm cơm; bố mẹ gấp thức ăn cho các con.
- Hình 2: Bố cẩn thận cài quai mũ bảo hiểm cho con trước khi chở con đi học.
- Hình 3: Anh mãi mê chơi đồ chơi một mình, để mặc em đứng phụng phịu, buồn bã.
- Hình 4: Mẹ giúp con chuẩn bị bài cho ngày mai đi học.

Sau khi quan sát các hình, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1, 2, 4 và không đồng tình với việc làm ở hình 3. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện nhận thức cho HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận sâu hơn về tình huống ở hình 3.

Gợi ý:

- Nêu các câu hỏi như:
 - + Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
 - + Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?, v.v.
- Có thể khi thảo luận về cách xử lý tình huống này, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau (phải nhường nhịn em; cho em chơi cùng; không cho em chơi cùng vì sợ em làm hỏng đồ chơi; không cho em chơi cùng vì em không biết chơi đồ chơi đó...); vì vậy, GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Ví dụ: GV có thể hướng dẫn HS trả lời tiếp những câu hỏi như:

- + Em cảm thấy thế nào khi để em gái đứng một mình, không có gì chơi?
- + Nếu sợ em gái làm hỏng đồ chơi của mình, em cần làm gì?
- + Nếu em gái chưa biết chơi đồ chơi đó, em sẽ làm gì?, v.v.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

b. Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình.

SGK chỉ nêu một số biểu hiện về tình yêu thương gia đình. Vì thế, trong hoạt động này, GV cần gợi ý, động viên, khuyến khích để HS, xuất phát từ thực tế của gia đình mình, nêu lên những biểu hiện phong phú, đa dạng khác về tình yêu thương.

Ví dụ: bố mẹ mua quần áo, sách vở, bánh kẹo... cho con; bố, mẹ đưa đón con đi học; ông bà kể chuyện cho cháu nghe; con cái ngoan ngoãn, vâng lời ông bà, cha mẹ, giúp bố mẹ những việc nhỏ trong nhà, v.v.

c. Với HS lớp 1, những câu hỏi dạng “vì sao...” thường là câu hỏi khó. Để giúp HS trả lời câu hỏi *Vì sao trong gia đình, mọi người phải yêu thương nhau?* được dễ dàng hơn, GV cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi ý, giúp HS có thể nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh cụ thể. Ví dụ:

- Khi mọi người yêu thương nhau, không khí gia đình sẽ như thế nào?
- Nếu bố mẹ không yêu thương em mà chỉ đánh đòn, la mắng, trách phạt..., em sẽ cảm thấy thế nào?
- Khi em biết yêu thương ông bà, cha mẹ, ông bà, cha mẹ sẽ đón nhận tình cảm của em ra sao?, v.v.

Trên cơ sở những câu trả lời của HS, GV có thể kết luận để HS nhận biết được: Trong gia đình, mọi người đều là ruột thịt, cùng sống chung dưới một mái nhà, vì thế mọi người phải yêu thương nhau để gia đình được yên ấm, hạnh phúc, vui vẻ.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1

Về thực chất, đây cũng là hoạt động *Xem hình và trả lời câu hỏi* như hoạt động 1 ở phần *Khám phá* nhưng có yêu cầu cao hơn.

GV phải hướng dẫn HS liên kết 4 hình để hình dung được câu chuyện: Gia đình bạn Quân gồm bố, mẹ và Quân. Một buổi chiều, trời mưa to khiến bố Quân chưa về nhà được. Mẹ Quân đứng trước cửa nhà, nhìn ra trời mưa, lo lắng cho bố. Tuy còn nhỏ nhưng Quân cũng biết chia sẻ nỗi lo với mẹ và quyết định đợi bố về để cả nhà cùng ăn cơm tối cho đông vui.

Sau khi HS hình dung được câu chuyện, GV hướng dẫn để HS phát hiện và xác định ý nghĩa của những cử chỉ, lời nói thể hiện tình yêu thương của những người trong gia đình Quân. Ví dụ:

- Cử chỉ của mẹ: đứng đợi bố về (yêu thương bố); xoa đầu con (yêu thương con).
- Cử chỉ của Quân: đến bên mẹ (chia sẻ nỗi lo lắng với mẹ).
- Lời nói của mẹ: *Bố chưa về* (yêu thương bố); *Con có đói không?* (quan tâm đến con).
- Lời nói của Quân: *Sao mẹ lo lắng thế ạ?* (quan tâm đến mẹ); *Mình đợi bố về* (quan tâm đến bố).

Hoạt động 2

Về thực chất, đây là hoạt động củng cố cho hoạt động lựa chọn đồng tình/không đồng tình ở mục *Chia sẻ* nhưng có yêu cầu cao hơn.

Tình huống mà SGK giới thiệu khá đơn giản. HS dễ dàng không đồng tình với việc trêu chọc em của bạn Hải; nhưng ở ý thứ hai: *Nếu là bạn Hải, em sẽ làm gì?*, câu trả lời